

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG ANA
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 21/2020/HS-ST
Ngày 18 tháng 8 năm 2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tuyên

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Sơn và ông Nguyễn Văn Mạnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Bảo Thụy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2020/HSST ngày 19 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/HSST- QĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Q, sinh ngày 16/01/1989 tại K, Đắk Lắk.

Cư trú tại: Thôn c, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1962 và bà Trần Thị H, sinh năm 1962

Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: có 03 tiền án

- Ngày 29/9/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” ngày 12/10/2012, đã chấp hành xong hình phạt.

- Ngày 16/9/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 21/9/2015 bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đắk Nông, xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 08/12/2015 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xử phạt y án sơ thẩm, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 03 năm tù.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2005 bị Chủ tịch UBND huyện K ra quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, thời hạn 24 tháng, chấp hành xong ngày 25/01/2007.

Bị bắt tạm giam từ ngày 22/01/2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Anh Y K Mlô, sinh ngày 13/8/2001.

Trú tại: Buôn B, phường Ea, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Trung Thế A, sinh ngày 27/8/2002, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: bà Võ Thị Lệ T, sinh năm 1980 (là mẹ của A), cùng trú tại: Thôn a, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1995.

Trú tại: Buôn T, xã Ea, huyện Cư, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

+ Chị Huỳnh Thị Thanh Kim H, sinh năm 1983

Trú tại : Xóm x, thôn T, xã Ea, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

+ Ông Trịnh Văn D, sinh năm 1979; bà Đinh Thị G, sinh năm 1979,

Trú tại: Thôn a, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đều có mặt.

+ Ông Nguyễn Hữu S, sinh năm 1959

Trú tại: Số nhà .., xóm a, thôn Q, xã S, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

+ Anh Y B Êban, sinh ngày 04/9/2004, có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà H N Êban (là mẹ của Y B)

Cùng trú tại: đường Q, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại (Y B): Ông Phùng Văn H1 – Trợ giúp viên pháp lý của trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ : Đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Bà H'D Mlô, sinh năm 1979

Trú tại: Buôn B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

+ Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1983

Trú tại: Tổ dân phố B, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

+ Anh Bùi Văn H2, sinh năm 1987;

Trú tại: Đường C, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Xuân T2, sinh năm 1967

Trú tại: Thôn H, xã H2, huyện K, Đắk Lắk, có mặt.

+ Anh Phạm Quốc Duy P, anh Phạm Quốc Duy T3.

Trú tại: Thôn X, xã H2, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

+ Anh Trương Văn H3,

Trú tại: Thôn X, xã H2, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

+ Anh Bùi Danh H4

Trú tại: Tổ dân phố Y, thị trấn B, huyện K, Đắk Lắk, vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1968.

Trú tại: Buôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

+ Chị H'L Êban, sinh năm 1998.

Trú tại: Buôn B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Người làm chứng:

+ Anh Y M Êban, sinh năm 1981.

Trú tại: Buôn Đ, xã Ê, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

+ Bà Trương Thị Kiều O, sinh năm 1976.

Trú tại: đường D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

+ Anh Y Y Niê, sinh năm 2000.

Trú tại: Buôn B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

+ Cháu Hoàng Thị Phương T4, sinh ngày 17/01/2008.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị L (mẹ cháu T4).

Cùng trú tại: đường L, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng thời gian từ tháng 10/2018 đến ngày 20/01/2020, Nguyễn Văn Q thực hiện 03 vụ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, 03 vụ Trộm cắp tài sản và 01 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Cụ thể như sau:

* Vụ thứ nhất: Vào khoảng đầu tháng 08/2018, Nguyễn Văn Q nhậu ở thành phố B làm quen và kết bạn với Y K Mlô (trú tại Buôn B, phường T, TP. B, tỉnh Đắk Lắk). Do biết được Y K thường xuyên sử dụng chiếc xe mô tô nhãn hiệu FUSACO, màu xanh mang biển kiểm soát 47K7-*****, nên Q nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Sau nhiều lần gọi Y K đi uống cà phê. Vào khoảng 10h ngày 10/8/2018, Q gọi điện cho Y K Mlô đi nhậu, Y K đồng ý và điều khiển xe 47K7- .. đến quán. Ngồi nhậu được một lúc, Q nói dối Y K cho Q mượn xe đi lấy tiền để về thanh toán tiền nhậu thì Y K đồng ý và giao xe cho Q. Sau khi chiếm đoạt được xe thì Q chạy xe về nhà Q tại thị trấn B, huyện K cất giấu. Khoảng 03 ngày sau Q gặp anh Hoàng Văn T (trú tại Tổ dân phố B, huyện K) để mượn số tiền 3.500.000 đồng và gửi lại chiếc xe này cho anh T làm tin. Sau đó, anh T không thấy Q quay lại lấy chiếc xe trên nên đã giao chiếc xe mô tô trên cho anh Bùi Văn H2 mượn sử dụng làm phương tiện đi lại. Ngày 01/02/2019, anh Y K phát hiện chiếc xe mô tô 47K7- ..do anh Bùi Văn H2 đang sử dụng nên anh Y K đến gặp anh H2 hỏi về nguồn gốc của chiếc xe. Sau đó, mang giấy chứng nhận đăng ký xe và số tiền 3.500.000 đồng đến gặp anh T để lấy chiếc xe trên về sử dụng.

* Vụ thứ 2: Vào khoảng đầu tháng 9/2019, Nguyễn Văn Q quen với Nguyễn Trung Thế A (trú tại thôn x, xã H, TP. B), Q thấy anh Thế A có chiếc xe mô tô nhãn hiệu DAELIM biển kiểm soát 47AB-***** nên Q đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe này. Do vậy, vào khoảng 13 giờ ngày 19/9/2019, Q gặp Thế A và hỏi mượn chiếc xe của Thế A để đi đóng lãi ngân hàng, Thế A đồng ý. Sau khi chiếm đoạt được xe, Q điều khiển chiếc xe về nhà tại thị trấn B, huyện K. Đến ngày hôm sau, Q gặp Bùi Danh H4 (là bạn của Q), H4 nói cho mượn xe để đi cảm cô lấy tiền tiêu xài thì Q đồng ý và không nói cho H4 biết đây là chiếc xe do lừa đảo mà có. Sau đó, H4 điều khiển xe lên TP. B và nhờ một người thanh niên tên I (chưa rõ nhân thân, lai lịch) cầm chiếc xe trên với số tiền 1.500.000 đồng. Sau đó H4 về đưa lại cho Q 500.000 đồng. Ngày 17/11/2019, anh Thế A phát hiện chiếc xe của mình do một người đàn ông tên V (chưa rõ nhân thân, lai lịch) sử dụng. Anh Thế A hỏi nguồn gốc của chiếc xe trên thì ông V nói mua lại của một tiệm cầm đồ trên đường D, TP. B với số tiền 2.400.000 đồng. Sau đó, anh Thế A mang giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên của mình và gặp ông V để lấy lại chiếc xe trên về sử dụng.

* Vụ thứ 3: Vào khoảng 11 giờ ngày 16/11/2019, khi Nguyễn Văn Q và anh Nguyễn Văn M ngồi uống nước thì Q nhờ anh M chở về nhà ở thị trấn B, thì M đồng ý. anh M điều khiển xe mô tô Air Blade, màu Đỏ-Đen, biển kiểm soát 47H1-***** (của bà Nguyễn Thị N là mẹ M) chở Q. Trên đường đi, Q và anh M ghé vào

quán tạp hóa của bà Nguyễn Thị L để uống nước. Tại đây, Q nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy 47H1-***** của anh M nên đã nói với anh M cho mượn xe máy của anh M để chạy về nhà có chút việc rồi quay lại trả xe, nghĩ Q nói thật nên anh M đưa chìa khóa xe cho Q. Q lấy xe đi xuống Thành phố H để tìm chỗ tiêu thụ, khi đến đoạn đường thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông thì xe hết xăng. Lúc này, Q mở cốp xe ra phát hiện thấy có 01 điện thoại di động cảm ứng, màu Đen, nhãn hiệu SamSung của anh M để trong cốp xe, nên đem đi bán tại một tiệm cầm đồ ở thị trấn M với giá 400.000 đồng. Sau đó, Q đổ xăng và tiếp tục chạy đến địa bàn quận G, thành phố H để liên hệ gặp Q1 (người này Q quen trên mạng facebook và không rõ nhân thân) và bán chiếc xe mô tô trên cho Q1 với giá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

* Vụ thứ 4: Vào khoảng tháng 12/2019, Nguyễn Văn Q quen anh Y B Êban. Q biết anh Y B có chiếc xe máy Sirius, nhãn hiệu Yamaha, màu xanh – đen biển kiểm soát 47B2-***** nên Q đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe này. Khoảng 10 giờ ngày 21/12/2019, Q và Y B uống nước mía tại đường N, phường T, TP. B. Tại đây, Q nói dối Y B cho Q mượn xe để đi công việc, khoảng 10 phút sau Q sẽ quay lại trả và Y B đồng ý đưa xe cho Q. Sau khi chiếm đoạt được chiếc xe này thì Q điều khiển xe xuống Quận G, TP. H và bán cho một người tên Q1 (người này Q quen trên mạng facebook và không rõ nhân thân) với số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

* Vụ thứ 5: Vào khoảng 08 giờ ngày 09/11/2019, Nguyễn Văn Q đi xe buýt từ thành phố B về huyện K. Khi đi đến đoạn đường trường THPT P thuộc thôn R, xã S, huyện K, Q xuống xe rồi đi bộ ra phía sau trường. Khi ra phía sau trường học, Q nhìn thấy có một chiếc xe mô tô Wave RSX nhãn hiệu Hon Da, biển kiểm soát 47F1-***** của chị Huỳnh Thị Thanh Kim H, không có người trông coi, nên Q đã nảy sinh ý định trộm cắp. Q đi đến dắt chiếc và nổ máy điều khiển xe đi vào hướng thị trấn B. Sau đó Q đi đến nhà của Phạm Quốc Duy P, và nhờ P đem chiếc xe đi cầm cố lấy tiền. Sau đó, P gọi điện cho Trương Văn H3 để nhờ H3 mang xe đi cầm dùm P. H3 giới thiệu cho Q ông Nguyễn Xuân T2 đang có nhu cầu mua xe đi lại, nên Q điều khiển chiếc xe lấy trộm được đến nhà của ông Nguyễn Xuân T2, ở Thôn H, xã H2, huyện K làm giấy tờ bán xe cho ông T2 với số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

* Vụ thứ 6: Vào khoảng 12 giờ ngày 13/01/2020, Nguyễn Văn Q đi xe buýt từ thành phố B về tới thị trấn B, huyện K. Khi đi đến trạm xe buýt thuộc tổ dân phố s, thị trấn B thì Q xuống xe rồi đi bộ theo đường nhỏ trong các rẫy cà phê thuộc thôn H, thị trấn B với mục đích tìm tài sản để trộm cắp tài sản. Q phát hiện thấy chiếc xe mô tô hiệu Wave 47N9-***** của anh Trịnh Văn D, dựng ở bên lề đường không có ai qua lại nên Q đi bộ đến gần chiếc xe thì thấy có sẵn chìa khóa nên Q nổ máy. Sau đó, Q điều khiển chiếc xe lấy trộm được đến Quận G, thành phố H và bán cho Q1 (không xác định được nhân thân lai lịch) với số tiền 3.000.000 đồng. Sau khi bán được xe, Q tiêu xài cá nhân hết.

* Vụ thứ 7: Vào khoảng 07 giờ ngày 20/01/2020, Nguyễn Văn Q đi bộ đến khu vực bến cát tại xã S rồi đi về hướng thủy điện Buôn K, xã D. Khi đi bộ đến khu vực rẫy cà phê thuộc xã S, huyện K có một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream II, biển kiểm soát 47K6-***** của gia đình ông Nguyễn Hữu S đang dựng trên đường

không thấy có ai qua lại nên Q đã nảy sinh ý định trộm cắp. Q sử dụng một chìa khóa loại Viettiệp mang sẵn ở trên người mở khóa điện của xe. Sau đó, Q dắt chiếc xe máy ra xa khoảng 10m rồi nổ máy điều khiển xe chạy đến thành phố B, Q liên lạc với Q1 (qua phần mềm Facebook trên mạng) ở thành phố H để tiêu thụ xe nhưng không liên lạc được nên Q vào quán Internet C (tại đường Y, thành phố B) để chơi game thì bị Công an TP. B mời lên làm việc.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 06/KLĐG ngày 09/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện K kết luận: Giá trị tài sản của chiếc xe 47N9-**** là 7.000.000 đồng và giá trị tài sản của chiếc xe 47K6-**** là 11.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 01/KLĐG ngày 18/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện K kết luận: Giá trị tài sản của chiếc xe 47F1-***** là 7.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 01/KLĐG ngày 17/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện K kết luận: Giá trị tài sản của 01 xe mô tô biển kiểm soát 47H1-*****, 01 chiếc điện thoại di động cảm ứng Trung Quốc, nhãn hiệu Sam Sung, có tổng trị giá là 21.390.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 32/KLĐG ngày 09/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố B kết luận: Giá trị tài sản của 01 xe mô tô biển kiểm soát 47AB-***** có trị giá là 9.000.000 đồng; 01 xe mô tô biển kiểm soát 47K7-***** có trị giá 4.200.000 đồng; 01 xe mô tô biển kiểm soát 47B2-***** có trị giá 15.000.000 đồng.

Vật chứng đã thu giữ được gồm: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu FUSACO, màu xanh, biển kiểm soát 47K7-*****.

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu DAELIM, màu đen vàng, biển kiểm soát 47AB-*****.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX, màu đỏ - trắng - xanh, biển kiểm soát 47F1-*****.

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream II, màu nâu, biển kiểm soát 47K6-****.

+ 01 chiếc chìa khóa bằng kim loại nhãn hiệu Viettiệp.

Cáo trạng số 19/CT-VKS-HS ngày 19/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b, g khoản 2 Điều 173 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm b, d khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn Q thừa nhận đã thực hiện các hành vi trộm cắp và lừa đảo chiếm đoạt tài sản như nội dung cáo trạng đã truy tố.

Bị hại: anh Y K Mlô đã nhận lại được tài sản chiếc xe 47K7 -5086, yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền anh bỏ ra chuộc lại xe là 3.500.000đ;

- Anh Y B yêu cầu bị cáo phải bồi thường trị giá chiếc xe bị mất là 15.000.000đ.

- Anh Nguyễn Văn M yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại trị giá chiếc xe và chiếc điện thoại bị mất là 21.390.000đ;

- anh Nguyễn Trung Thế A đã nhận lại tài sản chiếc xe máy 47AB – 12086, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì.

- Ông Nguyễn Hữu S đã nhận lại tài sản bị trộm cắp là chiếc xe mô tô biển số 47K -****, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

- Chị Huỳnh Thị Thanh Kim H đã nhận lại tài sản là chiếc xe mô tô biển số 47F1-41432, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại gì.

- Ông Trịnh Văn D, bà Đinh Thị G yêu cầu bị cáo phải bồi thường trị giá chiếc xe bị mất số tiền 7.000.000đ.

- Ông Nguyễn Xuân T2 không yêu cầu gì đối với bị cáo.

Tại phiên tòa đại diện kiểm sát giữ nguyên nội dung cáo trạng, truy tố bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “trộm cắp tài sản và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt: Đề nghị áp dụng Điểm b, g Khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Xử phạt bị cáo từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Đề nghị áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 55 BLHS, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù.

* Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Ana trả lại chiếc xe 47F1-***** cho chị Huỳnh Thị Thanh Kim H và trả lại chiếc xe máy nhãn hiệu Dream II, màu nâu, biển kiểm soát 47K6-**** cho ông Nguyễn Hữu S.

- Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố B, trao trả cho bà H'D Mlô và anh Nguyễn Trung Thế A chiếc xe mô tô kiểm soát 47K7-***** và chiếc xe nhãn hiệu DAELIM, màu đen- vàng, biển kiểm soát 47AB-***** là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với 01 chiếc chìa khóa bằng kim loại nhãn hiệu Viettiệp mà bị cáo Nguyễn Văn Q sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

* Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các điều 584, 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho những người bị hại có tài sản bị mất không thu hồi được.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị hại (Y B): Ông Phùng Văn H1 – Trợ giúp viên pháp lý trình bày bị cáo đã có ý định chiếm đoạt tài sản của bị hại với thủ đoạn nói dối mượn chiếc xe mô tô biển số 47B2-***** để đi trả tiền ngân hàng và chiếm đoạt tài sản của bị hại, đem bán cho người khác. Hiện nay tài sản chiếc xe máy không thu hồi được, theo kết luận định giá tài sản, chiếc xe của Y B có trị giá

là 15.000.000đ. Đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại Y B số tiền 15.000.000đ.

Về trách nhiệm hình sự, về các tình tiết tăng nặng định khung hình phạt nhất trí với đại diện viện kiểm sát, nhưng không đồng ý với đại diện viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ ăn năn hối cải là không đúng, vì quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, nhưng không thể hiện việc ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử không cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ này và áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất, để bị cáo yên tâm cải tạo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Ana, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng đã có lời khai trong quá trình điều tra vụ án, xét thấy việc vắng mặt của họ tại phiên tòa không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án, căn cứ vào Điều 292, khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản Cáo trạng, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do ý thức coi thường pháp luật, tham lam tư lợi cá nhân vào khoảng thời gian từ tháng 10/2018 đến ngày 20/01/2020, trên địa bàn huyện K và thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Nguyễn Văn Q đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản gồm 01 xe mô tô biển số 47F1 - ***** của chị Huỳnh Thị Thanh Kim H, trị giá là 7.000.000 đồng; 01 xe mô tô biển số 47N9-***** của anh Trịnh Văn D, trị giá 7.000.000 đồng và 01 xe mô tô biển số 47K6-***** của ông Nguyễn Hữu S, trị giá 11.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Nguyễn Văn Q đã trộm cắp là 25.000.000 đồng. Nguyễn Văn Q thực hiện 04 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản 01 xe mô tô biển số 47AB-***** của anh Nguyễn Trung Thế A, trị giá 9.000.000 đồng; 01 xe mô tô biển số 47K7-***** của anh Y K Mlô, trị giá 4.200.000 đồng; 01 xe mô tô biển số 47B2-***** của anh Y B Êban, trị giá 15.000.000 đồng và 01 xe mô tô biển số 47H1-*****, 01 chiếc điện thoại di động cảm ứng, nhãn hiệu Sam Sung của anh Nguyễn Văn M, trị tài sản là 21.390.000

đồng. Tổng giá trị tài sản Nguyễn Văn Q đã lừa đảo chiếm đoạt là 49.590.000 đồng.

Trước đó vào năm 2011 bị cáo lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô biển số 47B1 - 00876 trị giá 14.000.000đ, bị Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xử phạt 01 năm 06 tháng tù tại bản án số 37/2011/HS-ST ngày 29/9/2011, chưa được xóa án tích. Ngày 04/3/2015 bị cáo trộm cắp xe đạp, trị giá 1.890.000đ, bị TAND huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông xử phạt 12 tháng tù tại bản án số 43/2015/HS-ST ngày 21/9/2015. Ngày 20/10/2014 bị cáo trộm cắp tài sản trị giá 2.500.000đ và ngày 07/4/2015 trộm cắp tài sản trị giá 2.090.000đ, bị Tòa án nhân dân huyện Krông Ana xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 BLHS. (bị cáo kháng cáo TAND tỉnh Đắk Lắk y án sơ thẩm và tổng hợp hình phạt 12 tháng tù của TAND huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 năm tù) chưa được xóa án tích.

Bản thân bị cáo là người không có nghề nghiệp, lấy kết quả của việc trộm cắp, lừa đảo làm nguồn sống chính, đã tái phạm chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội, hành vi của bị cáo cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” với hai tình tiết định khung tăng nặng “Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” và “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm b, g khoản 2 Điều 173 của BLHS và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với các tình tiết định khung “Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” và “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại các điểm b, d khoản 2 Điều 174 của BLHS.

Điều luật quy định:

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

b) phạm tội có tính chất chuyên nghiệp;..

g) Tái phạm nguy hiểm.

Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

b) phạm tội có tính chất chuyên nghiệp;

d) Tái phạm nguy hiểm.

[4] Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm b, g khoản 2 Điều 173 và tội “Lừa đảo chiếm

đoạt tài sản” theo điểm b, d khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của những người bị hại, còn gây mất trật tự trị an trên địa bàn thành phố B và huyện K, gây hoang mang lo lắng cho quần chúng nhân dân, bị cáo là người có đủ khả năng nhận thức, buộc phải biết tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ, ai xâm phạm trái pháp luật sẽ bị pháp luật nghiêm trị, nhưng xuất phát từ động cơ tham lam, vụ lợi mà bị cáo đã bất chấp phạm tội, ba lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và bốn lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Với tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, phạm nhiều tội, nhiều lần cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài để cải tạo, giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

Do bị cáo phạm hai tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là phù hợp.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo 03 lần trộm cắp tài sản và 04 lần lừa đảo tài sản có giá trị từ hai triệu đồng trở lên, cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với cả hai tội danh. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Đối với Hoàng Văn T là người đồng ý cho bị cáo Nguyễn Văn Q để lại chiếc xe 47K7-***** và Bùi Văn H2 là người mượn xe 47K7-***** của Hoàng Văn T đi. nhưng T và H2 không biết tài sản trên là do Q phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề nghị xử lý đối với T, H2 là phù hợp.

- Đối với ông Nguyễn Xuân T2 là người mua chiếc xe 47F1-***** do bị cáo Nguyễn Văn Q trộm cắp. Tuy nhiên, khi mua ông T2 không biết là xe do Q trộm cắp. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý đối với ông Nguyễn Xuân T2 là phù hợp.

- Đối với anh Phạm Quốc Duy P, Phạm Quốc Duy T3, Trương Văn H3 là người giới thiệu Q bán chiếc xe 47F1-***** cho ông Nguyễn Xuân T2. Bản thân P, T3 và H3 không biết chiếc xe trên là do bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội mà có. Do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề nghị xử lý đối với Phạm Quốc Duy P, Phạm Quốc Duy T3, Trương Văn H3 là phù hợp.

- Đối với Bùi Danh H4 là người mượn chiếc xe 47AB-***** từ Q để mang đi cầm cố tài sản được 1.500.000 đồng và được Q đồng ý. Tuy nhiên, bản thân H4 không biết tài sản trên là do Q phạm tội mà có nên hành vi của H4 không cấu thành tội phạm tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề nghị xử lý đối với H4.

- Đối với người thanh niên tên I và người đàn ông tên V liên quan đến việc cầm cố chiếc xe 47AB-***** từ H4. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra chưa xác định được nhân thân của ông V và I nên tiếp tục xác minh, xử lý sau.

- Đối với người thanh niên tên Q1 (bị cáo Nguyễn Văn Q quen trên mạng xã hội facebook): Q1 là người đã mua các chiếc xe 47H1-*****, 47B2-***** và 47N9-*****. Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra chưa xác định được nhân thân lai lịch của Q1. Do đó cần tiếp tục điều tra, xác minh để xử lý sau.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xét việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Ana trả lại chiếc xe 47F1-***** cho chị Huỳnh Thị Thanh Kim H và trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream II, màu nâu, biển kiểm soát 47K6-**** cho ông Nguyễn Hữu S là phù hợp, không đề cập giải quyết.

Việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố B, trao trả cho bà H'D Mlô và anh Nguyễn Trung Thế A chiếc xe mô tô kiểm soát 47K7-***** và chiếc xe nhãn hiệu DAELIM, màu đen- vàng, biển kiểm soát 47AB-***** là đúng quy định của pháp luật nên không đề cập giải quyết.

Đối với 01 chiếc chìa khóa bằng kim loại nhãn hiệu Viettiep mà bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 BLHS, các điều 584, 589 Bộ luật dân sự, cần chấp nhận yêu cầu của người bị hại, buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại như sau:

- Bồi thường cho anh Y K Mlô 3.500.000đ.
- Bồi thường cho anh Y B Knul số tiền 15.000.000đ.
- Bồi thường cho ông Trịnh Văn D, bà Đinh Thị G số tiền 7.000.000đ;
- Bồi thường cho anh Nguyễn Văn M số tiền 21.390.000đ.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào: Điểm b, g khoản 2 Điều 173, điểm b, d khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Điểm b, g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Q 04 (bốn) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng: Điểm b, d khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Q 05 (năm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 09 (Chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 22/01/2020.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự; các điều 584, 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải bồi thường cho các bị hại như sau:

- Bồi thường cho anh Y K Mlô 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*).
- Bồi thường cho anh Y B Knul số tiền 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*);
- Bồi thường cho ông Trịnh Văn D, bà Đinh Thị G số tiền 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*);
- Bồi thường cho anh Nguyễn Văn M số tiền 21.390.000đ (*Hai mươi một triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3] Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Tịch thu, tiêu hủy 01 chiếc chìa khóa bằng kim loại nhãn hiệu Viettiệp (có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/8/2020 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Krông Ana và Chi cục thi hành án dân sự huyện K).

[4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000^d (*Hai trăm nghìn đồng*) và án phí dân sự sơ thẩm 2.344.000^d (*Hai triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*).

Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại dưới 18 tuổi có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh; TANDTC;
- Sở tư pháp;
- VKSND huyện; tỉnh;
- CA huyện;
- THAHS; THADS;
- Bị cáo, bị hại.
- Người có QLNVLQ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp;
- Lưu hồ sơ; VT.

Nguyễn Đình Tuyên